

Bản án số: 338/2020/DS-PT
Ngày: 19/5/2020
V/v *Đòi tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa: Ông Lê Ngọc Tường

Các Thẩm phán: 1. Bà Đặng Huyền Phương
2. Bà Phạm Thị Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 19/5/2020, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 34/2020/TLPT-DS ngày 06/01/2020, về việc “Đòi tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 451/2019/DS-ST ngày 13/11/2019 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1905/2020/QĐXX-PT ngày 23/4/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: 183/2 TT, phường TT, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Quốc Đ1, sinh năm 1992 (có mặt)

Địa chỉ: Xã NT, huyện KB, tỉnh Hà Nam

Địa chỉ liên lạc: 602 NDT, phường NTĐ, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoặc ông Phạm Xuân T, sinh năm: 1990 (có mặt)

Địa chỉ: Xã HĐ, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk

Địa chỉ liên lạc: 602 NDT, phường BTĐ, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị Xuân N, sinh năm 1967 (vắng mặt)

Địa chỉ: 339 LTT, phường SK, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Nguyễn Ngọc Xuân N1, sinh năm: 1987

Địa chỉ: 20/5 BH, Phường MB, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê T1, sinh năm 1984

Địa chỉ: 19 Đường N, phường AL, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. *Người kháng cáo:* Bà Lê Thị Xuân N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện (về việc tranh chấp hợp đồng đặt cọc) ngày 31/5/2019 và Đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện (về việc tranh chấp đòi lại tài sản) ngày 27/9/2019 của Ông Nguyễn Văn Đ và Ông Trần Quốc Đ1 là người đại diện theo ủy quyền của Ông Đ trình bày:

Ngày 10/11/2017, Ông Nguyễn Văn Đ và Bà Lê Thị Xuân N có thỏa thuận đặt cọc để chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 4529,9 m² thuộc thửa đất số 26, tờ bản đồ số 162 tại phường TT, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh, số tiền đặt cọc là 2.000.000.000đ (hai tỷ đồng). Theo thỏa thuận miệng, Ông Đ sẽ đặt cọc trước cho bà N số tiền 2.000.000.000 đồng và bà N yêu cầu Ông Đ chuyển số tiền nêu trên vào tài khoản của bà N tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

Hai bên cùng thỏa thuận 20 ngày sau khi S nhận đủ tiền thì các bên sẽ ra Văn phòng công chứng để chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên cho Ông Đ. Để thực hiện hợp đồng đặt cọc nêu trên, ngày 10/11/2017 Ông Đ đã chuyển đủ số tiền 2.000.000.000 đồng vào tài khoản của bà N theo giấy nộp tiền số HD-Invoice No: 101117.YQ64.0167, người nộp tiền là Ông Nguyễn Văn Đ, địa chỉ: 183/2 Tây Thạnh, phường Tây Thạnh và chủ tài khoản Bà Lê Thị Xuân N, số tài khoản 0441000741307 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Chi nhánh Tân Bình và bà N đã xác nhận có nhận số tiền trên, nhưng hai bên chỉ nói miệng không có hợp đồng bằng văn bản nhưng đến nay bà N vẫn chưa chuyển nhượng diện tích đất nêu trên cho Ông Đ .

Ông Đ làm đơn khởi kiện yêu cầu Bà Lê Thị Xuân N tiếp tục thực hiện việc chuyển nhượng trên. Trong trường hợp bà N không thực hiện phải hoàn trả cho Ông Đ số tiền 2.000.000.000 đồng và bồi thường cho Ông Đ số tiền 2.000.000.000 đồng. Tổng cộng là 4.000.000.000 đồng.

Ngày 31/05/2019 Ông Nguyễn Văn Đ có đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời về việc cấm chuyển dịch quyền về tài sản đối với tài sản đang tranh chấp để đảm bảo giải quyết vụ án và thi hành án. Ông Đ đã thực hiện xong Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 08/2019/QĐST-BPBD ngày 10/6/2019.

Ngày 11/6/2019 Tòa án nhân dân quận Tân Phú ban hành quyết định số 14/2019/QĐ-BPKCTT về việc cấm chuyển dịch quyền về tài sản đối với tài sản đang tranh chấp là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 26, tờ bản đồ số 162 tọa lạc tại phường TT, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 26/6/2019 Ông Nguyễn Văn Đ có đơn thay đổi yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ theo qui định tại khoản 11 Điều 114 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là phong tỏa một phần quyền sử dụng đất của bà N thuộc thửa đất số 26, tờ bản đồ số 162 tọa lạc tại phường TT, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo thi hành án. Tòa án đã ban hành Quyết định thay đổi biện pháp khẩn cấp tạm thời số 17/2019/QĐ-BPKCTT ngày 27/6/2019.

Ngày 28/6/2019 Bà Lê Thị Xuân N có đơn đề nghị thay đổi biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ là phong tỏa số tiền 2.000.000.000 đồng của bà N tại Ngân hàng Techcombank – Chi nhánh Tân Bình – Phòng Giao dịch Tân Hương để đảm bảo giải quyết vụ án. Tòa án đã ban hành Quyết định thay đổi biện pháp khẩn cấp tạm thời số 18/2019/QĐ-BPKCTT ngày 02/7/2019 về việc phong tỏa một phần tài khoản của Bà Lê Thị Xuân N, CMND số 022173491 cấp ngày 02/11/2010 tại Thành phố Hồ Chí Minh, số tài khoản 19034423791015 tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt nam – Chi nhánh Tân Bình – Phòng giao dịch Tân Hương với số tiền là 2.000.000.000 đồng.

Ngày 22/9/2019 đại diện của Ông Đ có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện là tranh chấp đòi tài sản, yêu cầu bà N trả cho Ông Đ số tiền 2.000.000.000 đồng mà Ông Đ đã chuyển cho bà N theo phiếu chuyển tiền ngày 10/11/2017 mà Ông Đ chuyển cho bà N tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, chi nhánh Tân Bình. Thanh toán một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Khi giao dịch phía Ông Đ chỉ biết bà N, không biết chồng bà N là ai nên nay chỉ yêu cầu cá nhân bà N thanh toán số tiền trên.

Việc bà N, ông Lê T1 cho rằng số tiền 2.000.000.000 đồng mà Ông Đ chuyển cho bà N là do Ông Lê T1 yêu cầu Ông Đ chuyển vì Ông Đ nợ tiền ông Tèo là không đúng, đây là giao dịch giữa bà N và Ông Đ, đề nghị bà N và ông Tèo cung cấp chứng cứ chứng minh cho việc này.

Bị đơn Bà Lê Thị Xuân N trình bày:

Bà và Ông Nguyễn Văn Đ không có mua bán đất, không biết mặt nhau, việc mua bán đất giữa các bên không có ai làm chứng.

Bà không chấp nhận đơn xin thay đổi yêu cầu của đại diện nguyên đơn. Nếu Ông Đ muốn giải quyết vụ kiện này thì đề nghị Ông Đ đến Tòa án để làm

việc rõ ràng về việc có hay không bà và Ông Đ mua bán đất với nhau. Đề nghị Ông Đ phải trả lại danh dự cho bà vì đã vu khống bà giao dịch mua bán đất với Ông Đ.

Bà xác nhận có nhận số tiền 2.000.000.000 đồng do Ông Đ chuyển cho bà theo phiếu chuyển tiền ngày 10/11/2017 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam nhưng đó là số tiền liên quan đến việc mua bán tài sản khác giữa bà và Ông Lê T1 (việc ông Tèo và Ông Đ có thỏa thuận chuyển tiền hay không thì bà không biết) nên bà không Đ ý trả 2.000.000.000 đồng cho Ông Đ đã chuyển cho bà. Việc mua bán giữa bà với ông Tèo hay Ông Đ chuyển tiền cho bà không liên quan đến chồng của bà, là việc của cá nhân của bà, bà không Đ ý cũng không cung cấp tên chồng của bà vì không có liên quan đến chồng của bà.

Bà cho rằng việc Ông Đ khởi kiện bà là không có căn cứ, không có tài liệu chứng minh và đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của Ông Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Lê T1 trình bày:

Ông và Ông Đ có mối quan hệ làm ăn với nhau rất nhiều liên quan đến việc mua bán đất. Giữa ông và bà N có mua bán đất với nhau nên khoảng đầu năm 2017, ông có yêu cầu Ông Đ chuyển giúp cho ông 2.000.000.000 đồng cho bà N để trả tiền đất do ông thiếu của bà N vì Ông Đ có mượn tiền ông nhiều lần hơn 5.000.000.000 đồng và số tiền 2.000.000.000 đồng này, sau này sẽ trừ vào phần tiền Ông Đ nợ ông (việc này các bên chỉ nói miệng với nhau và việc mượn tiền thì giao dịch rất nhiều có qua có lại giữa ông với Ông Đ chủ yếu là nói miệng tin tưởng nhau).

Nay ông không Đ ý trả lại số tiền 2.000.000.000 đồng cho Ông Đ vì Ông Đ vẫn còn nợ ông rất nhiều tiền. Trên đây là toàn bộ ý kiến của ông, ông xin vắng mặt tất cả các phiên hòa giải và xét xử.

Bà Nguyễn Thị Hương trình bày: Bà là vợ Ông Đ, số tiền Ông Đ tranh chấp với bà N là tiền riêng của Ông Đ, không phải tiền chung của vợ chồng nên bà không có ý kiến gì và đề nghị Tòa án không đưa bà vào tham gia tố tụng.

Tại bản án sơ thẩm số 451/2019/DS-ST ngày 13/11/2019, Tòa án nhân dân quận Tân Phú đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Văn Đ.

Buộc Bà Lê Thị Xuân N phải thanh toán cho Ông Nguyễn Văn Đ số tiền là 2.000.000.000đ (hai tỷ đồng) theo giấy nộp tiền số HD- Invoice No: 101117.YQ64.0167 người nộp tiền là Nguyễn Văn Đồng, địa chỉ là 183/2 Tây Thạnh, phường Tây Thạnh và chủ tài khoản Bà Lê Thị Xuân N, số tài khoản 0441000741307 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Chi nhánh Tân Bình.

Thời hạn và phương thức thanh toán: Thanh toán một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Tiếp tục duy trì Quyết định thay đổi biện pháp khẩn cấp tạm thời số 18/2019/QĐ-BPKCTT ngày 02/07/2019 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú. Việc hủy bỏ việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời được thực hiện theo qui định tại Điều 138 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Giải tỏa Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 08/2019/QĐST – BPBD ngày 10/06/2019 để được nhận lại tiền là có cơ sở phù hợp với qui định pháp luật nên được chấp nhận. Ông Nguyễn Văn Đ được nhận lại toàn bộ số tiền theo thẻ tiết kiệm có kỳ hạn No: A3 83553 của Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Cộng Hòa, Phòng giao dịch Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Xuân N phải chịu án phí là 72.000.000 đồng.

Hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng án phí cho Ông Nguyễn Văn Đ theo phiếu thu số 0012179 ngày 11/06/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Phú.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng phải chịu lãi suất theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất theo qui định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng thời gian và số tiền chậm thi hành án; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 đối với số tiền chậm thực hiện tương đương với thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 22/11/2019, Bà Lê Thị Xuân N là bị đơn nộp đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Bà Lê Thị Xuân N ủy quyền cho Bà Nguyễn Ngọc Xuân N1 đại diện kháng cáo cho rằng: Bản thân bà N không quen biết, chưa từng tiếp xúc hay có giao dịch gì với Ông Nguyễn Văn Đ. Giữa bà N và Ông Đ không có bất cứ giao dịch đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Ông Đ không xuất trình được chứng cứ, tài liệu, giấy tờ nào để chứng minh giữa bà N và Ông Đ có thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Ông Đ căn cứ Giấy nộp tiền ngày 10/11/2017, để xác định đã chuyển tiền đặt cọc 2.000.000.000 đồng cho bà N nhưng bà N khẳng định số tiền này là của Ông Lê T1 chuyển cho bà N để nhận chuyển nhượng bất động sản. Đồng thời, tại bản tự khai, ông Tèo xác nhận số tiền nêu trên là của ông Tèo nhờ Ông Đ chuyển giùm cho bà N vì Ông Đ có vay mượn tiền của ông Tèo. Vì vậy, số tiền 2.000.000.000 đồng là tiền giao dịch

giữa ông Tèo và bà N. Ông Đ chỉ là người chuyển tiền giùm, không có bất cứ liên quan nào đến giao dịch.

Đồng thời, trong quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn cung cấp Hợp đồng thỏa thuận đặt cọc mua bán chuyển nhượng giữa Ông Đ với ông Tèo ngày 05/7/2017 và các Giấy nộp tiền của Ông Lê T1, bà Nguyễn Thị Thom chuyển tiền cho Ông Đ tại Ngân hàng Á Châu – Chi nhánh Cộng Hòa, để chứng minh giữa ông Tèo và Ông Đ có giao dịch chuyển nhượng đất nên ông Tèo nhờ Ông Đ chuyển giùm số tiền 2.000.000.000 đồng.

Ngoài ra, Ông Đ chuyển tiền đặt cọc ngày 10/11/2017 và 20 ngày sau tức là 30/11/2017, hai bên sẽ thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Văn phòng công chứng. Tuy nhiên, bà N được cơ quan có thẩm quyền công nhận quyền sử dụng đất nêu trên với tư cách là người đại diện của ông Lê Văn Hoanh và những người thừa kế của bà Nhanh vào ngày 06/02/2018 (sau hai tháng kể từ ngày bên chuyển nhượng theo lời khai của Ông Đ) và đến ngày 11/01/2019, bà N và các đồng thừa kế mới thực hiện phân chia thừa kế và được công nhận là đồng sử dụng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 26, tờ bản đồ số 162 tọa lạc tại phường TT, quận TP.

Do đó, yêu cầu chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà N. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Văn Đ về việc yêu cầu bà N phải trả lại cho Ông Đ số tiền 2.000.000.000 đồng. Hủy bỏ Quyết định thay đổi áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 18/2019/QĐ-BPKCTT ngày 02/7/2019 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú về việc phong tỏa số tiền 2.000.000.000 đồng của bà N mở tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam.

+ Ông Nguyễn Văn Đ ủy quyền cho Ông Trần Quốc Đ1 và ông Phạm Xuân T đại diện yêu cầu Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà N và giữ y án sơ thẩm.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Từ khi thụ lý giải quyết vụ án phúc thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc giải quyết vụ án. Đồng thời, các đương sự trong vụ án thực hiện các quyền và chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ vào Giấy nộp tiền số HD-Invoice No:101117.YQ64.0167, có nội dung người nộp tiền là Nguyễn Văn Đồng, chủ tài khoản nhận tiền là Lê Thị Xuân Nương, số tài khoản 0441000741307 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Chi nhánh Tân Bình, số tiền là 2.000.000.000 đồng; căn cứ vào xác nhận của bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bà N về việc bà N có nhận số tiền 2.000.000.000 đồng do Ông Nguyễn Văn Đ chuyển khoản, đồng thời giữa Bà Lê Thị Xuân N và Ông Nguyễn Văn Đ không có giao dịch dân sự nào. Do đó, có cơ sở xác định Ông Nguyễn Văn Đ có chuyển khoản 2.000.000.000 đồng cho Bà Lê Thị Xuân N và bà N đã nhận số tiền trên.

Bà Lê Thị Xuân N và Ông Lê T1 không có chứng cứ chứng minh việc ông Tèo yêu cầu Ông Đ chuyển tiền cho bà N vì Ông Đ thiếu tiền ông Tèo và đại diện Ông Đ không thừa nhận nội dung trình bày này của ông Tèo và bà N.

Do đó, căn cứ Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Bà Lê Thị Xuân N phải thanh toán cho Ông Nguyễn Văn Đ số tiền là 2.000.000.000 đồng theo giấy nộp tiền số HD-Invoice No:101117.YQ64.0167 là có căn cứ.

Ngày 31/05/2019, Ông Nguyễn Văn Đ yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời về việc cấm chuyển dịch quyền về tài sản đối với tài sản đang tranh chấp để đảm bảo giải quyết vụ án và thi hành án. Đến ngày 26/06/2019, Ông Đ yêu cầu thay đổi áp dụng khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ Tòa án cấp sơ thẩm đã ban hành Quyết định thay đổi biện pháp khẩn cấp tạm thời số 17/2019/QĐ-BPKCTT ngày 27/06/2019. Ngày 28/06/2019, bà N đề nghị thay đổi biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ phong tỏa số tiền 2.000.000.000 đồng của bà N tại Ngân hàng Techcombank chi nhánh Tân Hương để đảm bảo thi hành án và đại diện nguyên đơn đồng ý yêu cầu này của bị đơn. Tòa án sơ thẩm đã ban hành Quyết định thay đổi biện pháp khẩn cấp tạm thời số 18/2019/QĐ-BPKCTT ngày 02/07/2019 về việc phong tỏa một phần tài khoản của Bà Lê Thị Xuân N, số tài khoản 19034423791015 tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình - Phòng giao dịch Tân Hương với số tiền 2.000.000.000 đồng là phù hợp. Do yêu cầu của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận nên bản án sơ thẩm tuyên tiếp tục duy trì Quyết định thay đổi biện pháp khẩn cấp tạm thời trên là có căn cứ.

Bởi các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Bà Lê Thị Xuân N và giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 451/2019/DS-ST ngày 13/11/2019 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Lê T1 đã được tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa phúc thẩm nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Tèo theo quy định của pháp luật.

[2] Theo Giấy nộp tiền số 101117.YQ64.0167 ngày 10/11/2017 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình thể hiện: Người nộp tiền Ông Nguyễn Văn Đ, với nội dung nộp: Nộp tiền mua đất, số tiền 2.000.000.000 đồng; tên tài khoản Bà Lê Thị Xuân N, số tài khoản 0441000741307 (bút lục số 26).

[3] Tại Biên bản hòa giải do Tòa án nhân dân quận Tân Phú lập ngày 17/7/2019, ngày 27/9/2019 và tại phiên tòa phúc thẩm, Bà Lê Thị Xuân N ủy quyền cho Bà Nguyễn Ngọc Xuân N1 đại diện xác nhận bà N có nhận số tiền 2.000.000.000 đồng do Ông Nguyễn Văn Đ chuyển cho bà N nhưng đó là số tiền liên quan đến việc mua bán tài sản khác giữa bà N và Ông Lê T1.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà N ủy quyền cho bà N1 đại diện trình bày, bà N không quen biết, chưa từng tiếp xúc hay có giao dịch gì với Ông Nguyễn Văn Đ và giữa bà N và Ông Đ không có bất cứ giao dịch đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Số tiền 2.000.000.000 đồng do Ông Đ chuyển cho bà N là của Ông Lê T1 nhờ Ông Đ chuyển cho bà N để nhận chuyển nhượng bất động sản. Số tiền này là của ông Tèo nhờ Ông Đ chuyển giùm cho bà N vì Ông Đ có vay mượn tiền của ông Tèo. Vì vậy, số tiền 2.000.000.000 đồng là tiền giao dịch giữa ông Tèo và bà N. Đồng thời, tại bản tự khai ngày 20/6/2019, ông Tèo xác nhận số tiền nêu trên là của ông Tèo nhờ Ông Đ chuyển giùm cho bà N vì Ông Đ có vay mượn tiền của ông Tèo. Vì vậy, số tiền 2.000.000.000 đồng là tiền giao dịch giữa ông Tèo và bà N.

[5] Ông Đ ủy quyền cho ông Đạt đại diện không tranh chấp gì đối với giao dịch hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Ông Đ và bà N. Ông Đạt xác định Ông Đ chỉ yêu cầu bà N trả lại số tiền 2.000.000.000 đồng và không tranh chấp đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất mà hai bên thỏa thuận không lập bằng văn bản.

[6] Như vậy, Ông Đ không tranh chấp hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Bà N cho rằng, không quen biết, chưa từng tiếp xúc hay có giao dịch gì với Ông Nguyễn Văn Đ và giữa bà N và Ông Đ không có bất cứ giao dịch đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Do đó, bà N có nhận số tiền 2.000.000.000 đồng do Ông Đ chuyển khoản theo Giấy nộp tiền số 101117.YQ64.0167 ngày 10/11/2017 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình nên bà N có nghĩa vụ trả lại cho Ông Đ số tiền nêu trên.

[7] Trong quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà N xuất trình các chứng cứ là Hợp đồng thỏa thuận đặt cọc mua bán chuyển nhượng giữa Ông Đ với ông Tèo ngày 05/7/2017 và các Giấy nộp tiền của Ông Lê T1, bà Nguyễn Thị Thơm chuyển tiền cho Ông Đ tại Ngân hàng Á Châu – Chi nhánh Cộng Hòa, để chứng minh giữa ông Tèo và Ông Đ có giao dịch chuyển nhượng đất nên ông Tèo nhờ Ông Đ chuyển giùm số tiền 2.000.000.000 đồng.

[8] Xét, Hợp đồng thỏa thuận đặt cọc mua bán chuyển nhượng giữa Ông Đ với ông Tèo ngày 05/7/2017 thể hiện: bên chuyển nhượng là Ông Đ và bên nhận chuyển nhượng là ông Tèo và các giấy nộp tiền đều thể hiện là ông Tèo, bà Thơm chuyển tiền cho Ông Đ nên người đại diện theo ủy quyền của bà N cho rằng, Ông Đ có nợ tiền của ông Tèo nên số tiền 2.000.000.000 đồng là do ông Tèo nhờ Ông Đ chuyển khoản là không có căn cứ.

[9] Đồng thời, bà N và ông Tèo cho rằng, số tiền 2.000.000.000 đồng là của ông Tèo nhờ Ông Đ chuyển khoản cho bà N là tiền giao dịch giữa bà N và ông Tèo. Tuy nhiên, bà N và ông Tèo không xuất trình được chứng cứ chứng minh số tiền nêu trên là của ông Tèo nhờ Ông Đ chuyển khoản cho bà N.

[10] Ngoài ra, tại bản tự khai ngày 20/6/2019 ông Tèo trình bày, do đầu năm 2017, Ông Đ có mượn của ông hơn 5.000.000.000 đồng để mua đất nhưng do chỗ làm ăn quen biết, tin tưởng nên không làm hợp đồng (chỉ có bản phô tô giấy nhận tiền và ủy nhiệm chi), ông có nói với Ông Đ chuyển giúp

2.000.000.000 đồng cho bà N vì ông thiếu bà N tiền mua đất, số tiền 2.000.000.000 đồng sau này trừ vào phần tiền Ông Đ còn nợ ông (các bên chỉ nói miệng). Tuy nhiên, ông Tèo cũng không xuất trình được chứng cứ chứng minh Ông Đ nợ của ông Tèo số tiền hơn 5.000.000.000 đồng và số tiền 2.000.000.000 đồng do Ông Đ chuyển khoản cho bà N là của ông Tèo nhờ Ông Đ chuyển khoản cho bà N. Do đó, bà N kháng cáo cho rằng số tiền 2.000.000.000 đồng là của ông Tèo nhờ Ông Đ chuyển cho bà N là không có căn cứ, nên không chấp nhận.

[11] Ấn sơ thẩm nhận định, bà N có nhận của Ông Đ số tiền 2.000.000.000 đồng theo Giấy nộp tiền số YQ64.0167 ngày 10/11/2017 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình. Do đó, bà N có nghĩa vụ trả lại cho Ông Đ số tiền 2.000.000.000 đồng là có căn cứ nên giữ nguyên.

[12] Ngày 28/06/2019, bà N có đơn đề nghị thay đổi biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ phong tỏa số tiền 2.000.000.000 đồng của bà N tại Ngân hàng Techcombank - Chi nhánh Tân Bình - Phòng giao dịch Tân Hương để đảm bảo thi hành án và đại diện nguyên đơn Ông Đ đồng ý yêu cầu này của bị đơn. Tòa án nhân dân quận Tân Phú đã ban hành Quyết định thay đổi biện pháp khẩn cấp tạm thời số 18/2019/QĐ-BPKCTT ngày 02/07/2019 về việc phong tỏa một phần tài khoản của Bà Lê Thị Xuân N, số tài khoản 19034423791015 tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình - Phòng giao dịch Tân Hương với số tiền 2.000.000.000 đồng là có căn cứ. Do đó, bà N kháng cáo yêu cầu hủy Quyết định thay đổi áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 18/2019/QĐ-BPKCTT ngày 02/7/2019 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú là không có căn cứ, nên không chấp nhận.

[13] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà N và giữ nguyên bản án sơ thẩm, là có căn cứ nên chấp nhận.

[14] Án phí dân sự phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm, nên bà N phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 và khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 116; Điều 166; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 29 Chương III Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bà Lê Thị Xuân N.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 451/2019/DS-ST ngày 13/11/2019 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Văn Đ.

Buộc Bà Lê Thị Xuân N phải thanh toán cho Ông Nguyễn Văn Đ số tiền là 2.000.000.000đ (hai tỷ đồng) theo giấy nộp tiền số HD- Invoice No: 101117.YQ64.0167 người nộp tiền là Nguyễn Văn Đồng, địa chỉ là 183/2 Tây Thạnh, phường Tây Thạnh và chủ tài khoản Bà Lê Thị Xuân N, số tài khoản 0441000741307 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Chi nhánh Tân Bình.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng phải chịu lãi suất theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất theo qui định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng thời gian và số tiền chậm thi hành án; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 đối với số tiền chậm thực hiện tương đương với thời gian chậm thi hành án.

Thời hạn và phương thức thanh toán: Thanh toán một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Tiếp tục duy trì Quyết định thay đổi biện pháp khẩn cấp tạm thời số 18/2019/QĐ-BPKCTT ngày 02/07/2019 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú. Việc hủy bỏ việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời được thực hiện theo qui định tại Điều 138 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Giải tỏa Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 08/2019/QĐST-BPBD ngày 10/06/2019 để được nhận lại tiền là có cơ sở phù hợp với qui định pháp luật nên được chấp nhận. Ông Nguyễn Văn Đ được nhận lại toàn bộ số tiền theo thẻ tiết kiệm có kỳ hạn No: A3 83553 của Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Cộng Hòa, Phòng giao dịch Tây Thạnh.

2.2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Xuân N phải chịu án phí là 72.000.000đ (bảy mươi hai triệu đồng).

Hoàn trả toàn bộ số tiền 56.000.000đ (năm mươi sáu triệu đồng) tạm ứng án phí cho Ông Nguyễn Văn Đ theo Biên lai thu số 0012179 ngày 11/06/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị Xuân N chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) do Bà Lê Thị Xuân N nộp theo Biên lai thu số 0012999 ngày 22/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THA DS quận Tân Phú;
- TAND quận Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Ngọc Tường